

Máy in đen trắng HP Laser 108w



Hiệu suất in cao với chất lượng in đáng tin cậy chỉ với mức giá phải chăng, cùng khả năng in và scan thông minh từ điện thoại.¹



Affordability



Compact size



Mobile app

Chất lượng huyền thoại, giá cả phải chăng đến không ngờ

- Máy in laser có thiết kế nhỏ gọn, chất lượng vượt trội, nhất quán.
- Chất lượng in đen trắng cho văn bản và đồ họa sắc nét.

Được thiết kế để vừa với không gian của bạn

- Bạn có thể đặt chiếc máy in nhỏ gọn này ở gần như mọi chỗ.
- Đạt tốc độ in lên đến 20 trang/phút.²

Dễ dàng in và scan trên thiết bị di động với ứng dụng HP Smart

- Có được thiết lập đơn giản, đồng thời in ấn và scan từ điện thoại của bạn với ứng dụng HP Smart.¹
- Dễ dàng in từ nhiều loại điện thoại thông minh và máy tính bảng.³
- Dễ dàng chia sẻ tài nguyên – truy cập và in bằng cách kết nối mạng không dây.⁴
- Kết nối điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng trực tiếp với máy in – và dễ dàng in mà không cần truy cập mạng.⁵

Tổng quan sản phẩm

HP Laser 108w

- 1. Số lượng trang in để xuất hằng tháng (RMPV) cao lên đến 1.500 trang
- 2. Kết nối USB 2.0 tốc độ cao
- 3. Tốc độ lên đến 20 trang/phút (A4)
- 4. Thiết kế tiết kiệm không gian
- 5. Đầu vào 150 tờ, đầu ra 100 tờ
- 6. Công nghệ không dây
- 7. Ứng dụng HP Smart



Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

Vật tư	W1112A Hộp mực in laser chính hãng màu đen HP 110A (~1,500 pages)
Dịch vụ và Hỗ trợ	UB4V4E Dịch vụ thay thế tại chỗ trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x UB4V5E Dịch vụ thay thế tại chỗ trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x UB4V6E Dịch vụ thay thế trong Ngày làm việc tiếp theo trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x UB4V7E Dịch vụ thay thế trong Ngày làm việc tiếp theo trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x UB4W3E Dịch vụ trả về kho trong vòng 2 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x UB4W4E Dịch vụ trả về kho trong vòng 3 năm của HP cho Máy in đa chức năng Laser 10x và 13x U6N05E Dịch vụ Cài đặt kèm Dịch vụ Mạng dành cho Máy in Tiêu dùng của HP

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in đen trắng HP Laser 108w
Mã sản phẩm	4ZB80A
Các chức năng	In
Bảng điều khiển	Nút (Nguồn điện, Hủy, Không dây); Đèn báo LED (Nguồn điện, Không dây, Mực in laser, Chú ý)
In	
Công nghệ in	Laser
Tốc độ in ⁹	Đen trắng (A4, thường): Lên đến 20 trang/phút
Trang ra đầu tiên ¹⁰	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 8,3 giây ; Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Nhanh đến 18 giây (15 phút)
Độ phân giải in	Đen trắng (tốt nhất): Tối đa 1.200 x 1.200 dpi ; Công nghệ: ReCP
Chu kỳ hoạt động hàng tháng ¹¹	Tối đa 10.000 trang A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng¹²: 100 đến 1.500
Tính năng phần mềm thông minh của máy in	In hai mặt thủ công, in nhiều trang trên một tờ, sắp xếp trang in, hình mở, chấp nhận nhiều loại và kích cỡ giấy
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	SPL
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 5 mm, Dưới cùng: 5 mm, Trái: 5 mm, Phải: 5 mm; Vùng in tối đa : 216 x 356 mm
In hai mặt	Hướng dẫn sử dụng (cung cấp hỗ trợ cho trình điều khiển)
Tốc độ bộ xử lý	400 MHz
Khả năng kết nối	
Tiêu chuẩn	Cổng USB 2.0 tốc độ cao, không dây 802.11 b/g/n
Hỗ trợ giao thức mạng	Thông qua giải pháp kết nối mạng tích hợp sẵn: TCP/IP, IPv4, IPv6; in: Cổng TCP-IP 9100 chế độ trực tiếp, LPD (chỉ hỗ trợ hàng chờ thô), WSD; khám phá: SLP, Bonjour, WS-Discovery; Cấu hình IP: IPv4 (BootP, DHCP, AutoIP, Thủ công), IPv6 (Liên kết Không lưu trạng thái – Cục bộ và qua Bộ định tuyến, Lưu trạng thái qua DHCPv6); quản lý: SNMPv1/v2/v3, HTTP
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 64 MB ; Tối đa: 64 MB
Xử lý giấy ảnh media	
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 1 ;Tối đa: 1
Loại giấy in	Giấy trơn, giấy dày, giấy mỏng, giấy bóng, giấy in màu, giấy in sẵn, giấy tái chế, giấy in nhân, giấy in bìa, giấy in trái phiếu, giấy bạc halide, giấy in phong bì
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): 76 x 127 đến 216 x 356 mm Có hỗ trợ (theo hệ mét): A4; A5; A5(LEF); B5 (JIS); Oficio; Phong bì (DL, C5); 76 x 127 đến 216 x 356mm
Xử lý giấy ảnh media	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay nạp giấy 150 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Ngăn giấy ra 100 tờ
Trọng lượng giấy ảnh media	60 đến 163 g/m²
Công suất đầu vào	Khay 1: Tờ (75 g/m²): 150; phong bì: 10 Tối đa: Tối đa 150 tờ
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Lên đến 100 tờ Phong bì: Tối đa 10 phong bì Tối đa: Lên đến 100 tờ
Hệ điều hành tương thích ¹³	Windows 8; Windows 8.1; Windows 10
Các hệ điều hành mạng tương thích	Windows 10; Android; iOS; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; MacOS v14 Sonoma; Linux
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: RAM 1 GB, HDD 16 GB, Internet, USB
Phần mềm đi kèm	Trình cài đặt chung, Trình điều khiển in V3 với Lite SM, Trình quản lý máy in (dành cho kiểu máy chỉ có USB)
Quản lý bảo mật	Máy chủ web tích hợp mạng được bảo vệ bằng mật khẩu; kích hoạt/ngắt kích hoạt các cổng mạng; Thay đổi mật khẩu cộng đồng SNMPv1; SNMPV2&V3; IPsec; Bộ lọc : MAC, IPv4, IPv6
Quản lý máy in	Không có
Kích thước và trọng lượng	
Kích thước máy in (R x S x C) ¹	Tối thiểu 331 x 215 x 178 mm; Tối đa: 331 x 350 x 248 mm
Trọng lượng máy in ³	4,18 kg
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 10 đến 30°C Độ ẩm: 20 đến 70% RH (không ngưng tụ)
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -20 đến 40°C
Âm thanh	Phát xạ công suất âm thanh: 6,5 B(A)
Nguồn điện ⁴	Yêu cầu: Điện áp đầu vào 110 vôn: Điện áp đầu vào 110 đến 127 VAC, 50/60 Hz và 220 vôn: 220 đến 240 VAC, 50/60Hz Không dùng điện áp kép, nguồn điện khác nhau tùy theo số hiệu linh kiện với Số nhận dạng mã tùy chọn.; Tiêu thụ: 320 oát (Chế độ In hoạt động), 33 oát (Chế độ Sẵn sàng), 1,1 oát (Chế độ Ngủ), 0,2 oát (Chế độ Tắt thủ công), 0,2 watt (Chế độ Tắt tự động/Bật thủ công); Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (tích hợp sẵn)
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm pin
Chứng nhận	Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: GB17625.1-2012 CECP
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	Không có thủy ngân
Xuất xứ	Được sản xuất tại Trung Quốc
Trong hộp có gì ¹⁵	4ZB80A Hộp mực ban đầu cài đặt sẵn màu đen HP Laser (~1.500 trang, Trung Quốc/Ấn Độ); Hướng dẫn thiết lập; Hướng dẫn tham khảo; Tờ tuyên bố tuần thủ; Dây nguồn; Cáp USB
Bảo hành	Bảo hành phần cứng giới hạn trong 1 năm; Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập https://support.hp.com

Ghi chú

¹ Yêu cầu tải xuống ứng dụng HP Smart. Để biết chi tiết về các yêu cầu in tại địa phương, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/mobileprinting>
² Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
³ Để biết chi tiết về các yêu cầu in tại địa phương, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/mobileprinting>
⁴ Các hoạt động không dây chỉ tương thích với các hoạt động 2,4 GHz và 5,0 GHz. Tìm hiểu thêm tại <http://www.hp.com/go/mobileprinting>. Wi-Fi là thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Kích thước thay đổi theo cấu hình
² Với các hộp mực in
³ Trọng lượng thay đổi theo cấu hình
⁴ Các yêu cầu về điện năng tùy thuộc vào từng quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Điều này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành sản phẩm. Giá trị tiêu thụ điện năng thường dựa vào số đo của thiết bị 115V.
⁵ Các yêu cầu về điện năng tùy thuộc vào từng quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Điều này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành sản phẩm. Giá trị chứng nhận Energy Star thường dựa vào số đo của thiết bị 115V và 230V đối với chứng nhận Blue Angel.
⁶ Giá trị năng suất công bố tuân theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa vào các hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.
⁷ Giá trị năng suất công bố tuân theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa vào các hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.
⁸ Bộ nhớ tối đa là 64 MB (Không mở rộng)
⁹ Được đo bằng cách áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
¹⁰ Được đo bằng cách áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.
¹¹ Sản lượng tối đa được định nghĩa là số lượng trang tối đa được xuất mỗi tháng với đầu ra hình ảnh. Giá trị này cung cấp sự so sánh về độ bền của sản phẩm với các thiết bị HP Laser hoặc HP Color Laser khác, đồng thời cho phép triển khai máy in và máy in đa chức năng phù hợp để đáp ứng nhu cầu của các cá nhân hoặc nhóm được kết nối.
¹² HP khuyến nghị rằng số lượng trang in mỗi tháng nên nằm trong phạm vi quy định để thiết bị đạt được hiệu suất tối ưu, tùy theo các yếu tố bao gồm khoảng thời gian thay thế vật tư, vòng đời thiết bị qua thời gian bảo hành mở rộng.
¹³ Windows 7 trở lên
¹⁴ Kèm theo hộp mực ban đầu; năng suất 1500 trang đen trắng. Hộp mực thay thế có năng suất công bố trung bình là 1500 dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa trên nội dung trang in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.
¹⁵ Kèm theo hộp mực ban đầu; năng suất 1500 trang màu đen trắng. Hộp mực thay thế có năng suất công bố trung bình là 1500 trang theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa trên nội dung trang in và các yếu tố khác. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.

